

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 22



## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Zhang Zheng Ming	Chủ tịch
Bà Phạm Thu Phương	Thành viên
Bà Phạm Thị Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/04/2018)
Ông Song Li Wei	Thành viên
Ông Trần Anh Thái	Thành viên

#### **Giám đốc**

Ông Lê Hải Đường	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/03/2019)
Ông Zhang Zheng Ming	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/03/2019)

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Zhang Zheng Minh.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Chủ tịch hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
S3, T17, toà nhà 319 Bộ Quốc Phòng, số 63 Lê Văn Lương  
Phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



---

**Zhang Zheng Ming**

**Chủ tịch**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019*



Số: 192 /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29/03/2019, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Chủ tịch hội đồng quản trị*

Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ*

Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm đầu năm, cuối năm, cụ thể là:

Tài khoản	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	165.606.125	165.606.121
Phải trả khác	309.657.243	350.404.738

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp nên chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có một số khoản công nợ khách hàng đã quá hạn thanh toán với giá trị là 3.235.223.709 VND. Tuy nhiên Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày lập báo cáo tài chính. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập cho các khoản phải thu này và các ảnh hưởng khác, nếu có, đến các chỉ tiêu khác được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như đã trình bày tại thuyết minh số 1, mục “Hoạt động liên tục” của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2018, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 9,13 tỷ VND và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm 3,3 tỷ VND; đây là các yếu tố dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đánh giá của Hội đồng Quản trị, Công ty đang thực hiện triển khai các dự án mới và kế hoạch kinh doanh năm tới là khả quan, theo đó, báo cáo tài chính kèm theo vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

### *Vấn đề khác*

Các thông tin tài chính cho mục đích so sánh tại ngày 31/12/2017 bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng, là các thông tin được kiểm bởi một Công ty Kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 số 17-11-043-02 phát hành ngày 20/03/2018 có ý kiến ngoại trừ cho khoản phải thu khách hàng quá hạn chưa được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.



*[Signature]*  
**Lê Xuân Thăng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, Ngày 29 tháng 03 năm 2019

*[Signature]*  
**Nguyễn Phương Lan**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2018-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>19.504.005.326</b>	<b>15.167.631.716</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.236.188.627</b>	<b>4.515.597.246</b>
1. Tiền	111	4	1.236.188.627	4.515.597.246
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.969.841.009</b>	<b>10.606.252.060</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	14.337.161.957	6.881.226.953
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		42.750.000	1.186.424.320
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	4.361.375.024	4.640.225.255
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.635.823.689	2.305.645.193
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(4.407.269.661)	(4.407.269.661)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>228.338.842</b>	<b>25.309.218</b>
1. Hàng tồn kho	141		228.338.842	25.309.218
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>69.636.848</b>	<b>20.473.192</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	66.702.249	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		129.246	17.667.839
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	2.805.353	2.805.353
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>73.316.786</b>	<b>573.018.400</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>50.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	-	50.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	-	-
- Nguyên giá	222		525.112.545	525.112.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(525.112.545)	(525.112.545)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>69.529.614</b>	<b>517.214.230</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		69.529.614	517.214.230
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.787.172</b>	<b>5.804.170</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.787.172	5.804.170
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>19.577.322.112</b>	<b>15.740.650.116</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.562.352.237</b>	<b>5.667.629.605</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.268.352.237</b>	<b>5.373.629.605</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	6.292.210.098	3.041.270.698
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	1.588.007.754	1.843.894.074
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	274.658.660	4.494.494
4. Phải trả người lao động	314		85.534.182	377.094.548
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	38.186.753
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	27.941.543	68.689.038
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>294.000.000</b>	<b>294.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	294.000.000	294.000.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>11.014.969.875</b>	<b>10.073.020.511</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>11.014.969.875</b>	<b>10.073.020.511</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.131.896.713)	(10.073.846.077)
- Lợi nhuận/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(10.073.846.077)	(6.106.242.276)
- Lợi nhuận/(Lỗ) năm nay	421b		941.949.364	(3.967.603.801)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>19.577.322.112</b>	<b>15.740.650.116</b>



Zhang Zheng Ming  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
 Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Trương Thị Hải Yến  
 Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến  
 Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.733.857.899	368.136.519
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17	7.733.857.899	368.136.519
4. Giá vốn dịch vụ đã cấp	11	18	3.343.295.146	155.676.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.390.562.753	212.459.700
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		266.386	491.411
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	1.718.168.280	2.347.571.717
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		2.672.660.859	(2.134.620.606)
9. Thu nhập khác	31		325.108.988	1.500.027
10. Chi phí khác	32	21	2.055.820.483	1.834.483.222
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.730.711.495)	(1.832.983.195)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		941.949.364	(3.967.603.801)
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		941.949.364	(3.967.603.801)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	471	(1.984)



Zhang Zheng Ming  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Trương Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>941.949.364</b>	<b>(3.967.603.801)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(266.386)	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>941.682.978</b>	<b>(3.967.603.801)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.296.050.356)	3.201.129.530
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	244.654.992	(25.309.218)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.894.722.632	(406.569.737)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(64.685.251)	25.867.345
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(7.415.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.279.675.005)</b>	<b>(1.179.901.081)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	266.386	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>266.386</b>	<b>-</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(3.279.408.619)</b>	<b>(1.179.901.081)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.515.597.246	5.695.498.327
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>1.236.188.627</b>	<b>4.515.597.246</b>



Zhang Zheng Ming  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, Ngày 29 tháng 03 năm 2019

Trương Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2007; Đăng ký thay đổi mới nhất lần thứ 8 số 0102403985 ngày 22 tháng 05 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký là 20.000.000.000 VND tương ứng với 2.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đến ngày 17/01/2019 tại S3, T17, toà nhà 319 Bộ Quốc Phòng, số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam. Địa chỉ giao dịch kể từ ngày 18/01/2019: Phòng 1201, tầng 12, toà nhà Charmvit, số 117, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục để thay đổi trụ sở chính của Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 8 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 9 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PPE.

**Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, phong điện, cơ sở hạ tầng và đường dây, trạm biến áp và xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng công trình dân dụng và kỹ thuật khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

**Hoạt động kinh doanh chính:** Tư vấn và thiết kế xây dựng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

**Hoạt động liên tục**

Tại thời điểm ngày 31/12/2018, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 9,13 tỷ VND, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm 3,3 tỷ VND, nợ phải thu quá hạn thanh toán là 6,48 tỷ VND, ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty. Theo đánh giá của Chủ tịch hội đồng quản trị, Công ty đang thực hiện triển khai các dự án mới và kế hoạch kinh doanh năm tới là khả quan, theo đó, báo cáo tài chính vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Ngoài Văn phòng Công ty, Công ty có một đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc như sau:

**STT    Tên đơn vị**

1.    Trung tâm tư vấn PVPE

**Địa chỉ**

Số 302 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Chủ tịch hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Chủ tịch hội đồng quản trị đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- b) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Nợ phải trả tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là khoản phải thu tương ứng với doanh thu của phần công việc đã hoàn thành trong kỳ (không phải hoá đơn), không phải chờ khách hàng xác nhận do Công ty tự lập mà trong hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

**Hàng tồn kho**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng các khoản lỗ hợp đồng. Dự phòng các khoản lỗ hợp đồng được lập dự vào đánh giá của Chủ tịch hội đồng quản trị về các khoản hợp đồng đã thoả thuận trừ đi chỉ ước tính để hoàn thành dự án. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho các dự án đang thực hiện. Chi phí sản xuất dở dang quá một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn.

**Các khoản trả trước**

Các khoản trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh bao gồm công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước phục vụ hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Đối với công cụ, dụng cụ phân bổ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với thời gian không quá 3 năm đối, đối với chi phí trả trước phân bổ theo thời hạn hợp đồng.

Công ty căn cứ vào thời gian hợp đồng và thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí để phân loại vào chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn và không thực hiện phân loại lại tại thời điểm báo cáo.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng hữu ích (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

**Ghi nhận doanh thu*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Chủ tịch hội đồng quản trị về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày cuối năm, trên báo cáo tài chính của Công ty có khoản lỗ lũy kế là 9.131.896.713 VND. Công ty tự xác định số lỗ tính thuế là 4.879.472.612 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn được về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**4. TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	357.035	1.994.398
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.235.831.592	4.513.602.848
<b>Cộng</b>	<b><u>1.236.188.627</u></b>	<b><u>4.515.597.246</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>14.337.161.957</b>	<b>6.881.226.953</b>
Ban QLDA Phát triển Điện lực - TCTĐL Miền Bắc	1.218.910.405	1.218.910.405
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	1.020.503.162	1.020.503.162
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	3.813.661.390	4.183.661.390
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	7.825.935.000	-
Khách hàng khác	458.152.000	458.151.996
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>12.660.099.552</b>	<b>5.204.164.552</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	1.020.503.162	1.020.503.162
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	3.813.661.390	4.183.661.390
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	7.825.935.000	-

**6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng</b>	<b>4.361.375.024</b>	<b>4.138.319.061</b>	<b>4.640.225.255</b>	<b>4.138.319.061</b>
Công trình Nậm Pàn	4.138.319.061	4.138.319.061	4.138.319.061	4.138.319.061
Dự án nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	223.055.963	-	223.055.963	-
Hợp đồng bãi xi Thái Bình	-	-	278.850.231	-

**Ghi chú:**

- (i) Phản ánh các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng của dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 ghi nhận lần lượt từ các năm 2013, 2015 căn cứ theo bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Công ty tự xác định, đến nay chưa được nghiệm thu và xác nhận bởi chủ đầu tư. Theo đánh giá của Chủ tịch hội đồng quản trị, Công ty vẫn đang trong quá trình thương thảo và quyết toán khối lượng phát sinh thực tế với chủ đầu tư. Do đó khả năng thu hồi của các khoản này không chắc chắn và phải phụ thuộc vào kết quả đàm phán trong tương lai. Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng các khoản này nếu trong thời gian tới không được tiến hành nghiệm thu với chủ đầu tư.

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>3.635.823.689</b>	<b>268.950.600</b>	<b>2.305.645.193</b>	<b>268.950.600</b>
Zhang Zheng Ming (i) - Bên liên quan	3.255.299.938	-	1.974.475.942	-
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	268.950.600	268.950.600	268.950.600
Tạm ứng công nhân viên	56.231.500	-	56.877.000	-
Ký quỹ thuê văn phòng	50.000.000	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	5.341.651	-	5.341.651	-
<b>b) Phải thu khác dài hạn</b>	-	-	<b>50.000.000</b>	-
Ký quỹ thuê văn phòng	-	-	50.000.000	-

**Ghi chú:**

- (i) Khoản tạm ứng cho ông Zhang Zheng Ming, Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ xấu</b>	<b>4.407.269.661</b>	<b>-</b>	<b>4.407.269.661</b>	<b>-</b>
Công trình Nậm Pôn	4.138.319.061	-	4.138.319.061	-
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	-	268.950.600	-

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>228.338.842</b>	<b>25.309.218</b>
Công trình bãi thải xỉ của nhà máy nhiệt điện Thái Bình	176.771.680	25.309.218
Tư vấn giám sát Logistics Bắc Giang	51.567.162	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>69.529.614</b>	<b>517.214.230</b>
Công trình nhiệt điện Quảng Trạch	-	447.684.616
Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình	69.529.614	69.529.614

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>66.702.249</b>	<b>-</b>
Các khoản khác	66.702.249	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.787.172</b>	<b>5.804.170</b>
Các khoản khác	3.787.172	5.804.170

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Số cuối năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Số cuối năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 với giá trị là 525.112.545 VND (ngày 31/12/2017 là 525.112.545 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>6.292.210.098</b>	<b>6.292.210.098</b>	<b>3.041.270.698</b>	<b>3.041.270.698</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt - Delta	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567
Công ty CP Kinh Bắc CNJ	2.929.080.200	2.929.080.200	-	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	556.045.763	556.045.763	556.045.763	556.045.763
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Tây Bắc	303.218.000	303.218.000	303.218.000	303.218.000
Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - CN TCT TVXD Thủy lợi Việt Nam	340.336.868	340.336.868	340.336.868	340.336.868
Công ty Cổ phần Khoáng sản Cổ Kênh	171.244.500	171.244.500	171.244.500	171.244.500
Đối tượng khác	321.859.200	321.859.200	-	-

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Người mua trả tiền trước</b>	<b>1.588.007.754</b>	<b>1.843.894.074</b>
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.422.555.556	1.422.555.556
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	132.452.198	132.452.198
Ban điều hành các dự án của PVC tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	-	255.886.320
<b>b) Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	-	255.886.320

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu</b>				
Thuế TNDN	2.805.353	-	-	2.805.353
<b>Cộng</b>	<b>2.805.353</b>	<b>-</b>	<b>2.805.353</b>	<b>-</b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	256.900.611	256.900.611	-	-
Thuế TNCN	17.758.049	39.433.133	26.169.578	4.494.494
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>274.658.660</b>	<b>299.333.744</b>	<b>29.169.578</b>	<b>4.494.494</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>27.941.543</b>	<b>68.689.038</b>
Kinh phí công đoàn	5.422.566	5.416.050
Phải trả ngắn hạn khác	22.518.977	63.272.988
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>294.000.000</b>	<b>294.000.000</b>
Cổ tức từ năm 2011 phải trả cổ đông (i)	294.000.000	294.000.000

**Ghi chú:**

- (i) Khoản cổ tức còn phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 08/NQ-ĐHCD-TVĐLDK năm 2012 về phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2011 có số dư tại ngày 31/12/2018 là 294.000.000 VND. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Công ty xác định khoản phải trả cổ đông này chưa phải chi trả trong 12 tháng tiếp theo nên Công ty phân loại đây là khoản phải trả dài hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	146.866.588	(5.458.519.693)	14.688.346.895
Lỗ trong năm	-	-	(3.967.603.801)	(3.967.603.801)
Điều chỉnh	-	-	(647.722.583)	(647.722.583)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>146.866.588</b>	<b>(10.073.846.077)</b>	<b>10.073.020.511</b>
Lãi trong năm	-	-	941.949.364	941.949.364
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>146.866.588</b>	<b>(9.131.896.713)</b>	<b>11.014.969.875</b>

*Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 ngày 22/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2018, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.

*Cổ phiếu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

*Chi tiết góp vốn của các cổ đông*

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	4.980.000.000	24,90%	4.980.000.000	24,90%
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	1.919.000.000	9,60%	1.919.000.000	9,60%
Ông Zang Ping	1.431.000.000	7,16%	1.431.000.000	7,16%
Các cổ đông khác	11.670.000.000	58,35%	11.670.000.000	58,35%
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**17. DOANH THU THUẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	7.733.857.899	368.136.519
<b>Cộng</b>	<b>7.733.857.899</b>	<b>368.136.519</b>

**18. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.343.295.146	155.676.819
<b>Cộng</b>	<b>3.343.295.146</b>	<b>155.676.819</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	1.072.278.273	1.453.277.828
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	619.211.660	79.148.682
Các khoản chi phí QLDN khác	23.678.347	812.145.207
<b>Cộng</b>	<b>1.718.168.280</b>	<b>2.347.571.717</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.275.917.206	1.475.277.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.964.897.497	234.825.501
Chi phí khác	23.678.347	818.454.425
<b>Cộng</b>	<b>5.264.493.050</b>	<b>2.528.557.754</b>

**21. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí công trình Quảng Trạch	447.684.616	-
Chi phí lập hồ sơ đề xuất dự án (không được duyệt)	1.545.454.545	-
Phạt thực hiện hợp đồng	-	1.753.669.602
Chi phí khác	62.681.322	80.813.620
<b>Cộng</b>	<b>2.055.820.483</b>	<b>1.834.483.222</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lãi/(Lỗ) trước thuế	941.949.364	(3.967.603.801)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	187.967	79.763.476
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>		
+ Chi phí khác	187.967	79.763.476
Chuyển lỗ từ các năm trước	942.137.331	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>(3.967.603.801)</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ**

Công ty có các khoản lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế tính thuế	4.879.472.612	4.879.472.612

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến cuối năm để tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

<u>Năm phát sinh lỗ tính thuế</u>	<u>Thời gian được chuyển lỗ</u>	<u>Số lỗ tính thuế phát sinh</u>	<u>Số lỗ tính thuế đã chuyển</u>	<u>Số lỗ tính thuế còn được chuyển</u>
Năm 2016	2017 - 2021	1.933.769.618	(942.137.331)	991.632.287
Năm 2017	2018 - 2022	3.887.840.325	-	3.887.840.325
<b>Cộng</b>		<b>5.821.609.943</b>	<b>(942.137.331)</b>	<b>4.879.472.612</b>

Công ty hiện chưa thực hiện quyết toán thuế từ khi thành lập đến nay.

**24. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi/(lỗ) sau thuế TNDN	941.949.364	(3.967.603.801)
Lãi/(lỗ) để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	941.949.364	(3.967.603.801)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	2.000.000	2.000.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	471	(1.984)

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(1.236.188.627)	(4.515.597.246)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	11.014.969.875	10.073.020.511
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,0%</b>	<b>0,0%</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.236.188.627	4.515.597.246
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.509.484.485	4.722.725.485
Các khoản ký quỹ	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.795.673.112</b>	<b>9.288.322.731</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	6.614.151.641	3.403.959.736
Chi phí phải trả	-	38.186.753
<b>Cộng</b>	<b>6.614.151.641</b>	<b>3.442.146.489</b>

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất:* Công ty không chịu rủi ro lãi suất do không vay nợ trong năm.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu:* Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.236.188.627	-	1.236.188.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.509.484.485	-	13.509.484.485
Các khoản ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.795.673.112</b>	<b>-</b>	<b>14.795.673.112</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.320.151.641	294.000.000	6.614.151.641
<b>Cộng</b>	<b>6.320.151.641</b>	<b>294.000.000</b>	<b>6.614.151.641</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>8.475.521.471</b>	<b>(294.000.000)</b>	<b>8.181.521.471</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.515.597.246	-	4.515.597.246
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.722.725.485	-	4.722.725.485
Các khoản ký quỹ	-	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.238.322.731</b>	<b>50.000.000</b>	<b>9.288.322.731</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.109.959.736	294.000.000	3.403.959.736
Chi phí phải trả	38.186.753	-	38.186.753
<b>Cộng</b>	<b>3.148.146.489</b>	<b>294.000.000</b>	<b>3.442.146.489</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>6.090.176.242</b>	<b>(244.000.000)</b>	<b>5.846.176.242</b>

Chủ tịch hội đồng quản trị đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Chủ tịch hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	Cổ đông lớn
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	Chung quản lý
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	Chung quản lý
Thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty	Lãnh đạo chủ chốt



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Ngoài số dư được trình bày ở Thuyết minh số 5 và 13 của phần thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có nghiệp vụ với các bên liên quan sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	7.347.110.290	-

**Thu nhập của Giám đốc và Hội đồng Quản trị**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	219.500.000	219.500.000

**27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê văn phòng tại S3, T17, toà nhà 319 Bộ Quốc Phòng, số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam theo Hợp đồng thuê văn phòng số 14/2015/TVP/TCT319-PVPE và thuê đến ngày 13/01/2019, chi phí thuê văn phòng ghi nhận vào trong năm là 504.273.000 VND. Sau thời gian kết thúc hợp đồng thuê, Công ty đã chuyển trụ sở sang Phòng 1201, tầng 12, tòa nhà Charmvit, số 117, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, đây là trụ sở của Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (cổ đông lớn của Công ty) và Công ty không phát sinh chi phí thuê văn phòng tại đây.

**28. THÔNG TIN KHÁC**

Ông Lê Hải Đường được bổ nhiệm là Giám đốc của Công ty từ ngày 26/03/2019. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang làm các thủ tục để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tại thời điểm lập và phát hành báo cáo tài chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người chịu trách nhiệm pháp lý đối với báo cáo tài chính này.

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác.



Zhang Zheng Ming  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Trương Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến  
Người lập biểu